

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HUY AN CHI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HUY AN CHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY AN CHI CONSTRUCTION AND DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400984640

**3. Ngày thành lập:** 22/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ao Cạn, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0352184138

Fax:

Email: anhtuanbg2024@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                 | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)                                                                                                                               | 4390     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>-Đại lý bán hàng hóa<br>-Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610     |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                   | 4661     |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)                                                                                                                  | 4662     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                        | 4663     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất nhà nước cấm kinh doanh, trừ các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)                               | 4669     |
| 8.  | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                   | 0220     |
| 9.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                  | 0231     |
| 10. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                   | 0232     |
| 11. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                 | 0510     |
| 12. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                  | 0520     |
| 13. | Khai thác dầu thô                                                                                                                                                              | 0610     |
| 14. | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                                                                                                     | 0620     |
| 15. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                            | 0710     |
| 16. | Khai thác quặng uranium và quặng thorium                                                                                                                                       | 0721     |

Thời gian đăng từ ngày 23/02/2024 đến ngày 24/03/2024

|     |                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại) | 8299        |
| 18. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                  | 0722        |
| 19. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                               | 0810        |
| 20. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                 | 0892        |
| 21. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác đất làm vật liệu san lấp                                                                       | 0899(Chính) |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                    | 0910        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                                                                                     | 0990        |
| 24. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                | 1610        |
| 25. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                             | 1621        |
| 26. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                       | 1622        |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                      | 1629        |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101        |
| 29. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102        |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                 | 4211        |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                  | 4212        |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                      | 4221        |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                           | 4222        |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223        |
| 35. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229        |
| 36. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                      | 4291        |
| 37. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                               | 4292        |
| 38. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                         | 4293        |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299        |
| 40. | Phá dỡ<br>(trừ nổ mìn)                                                                                                                                        | 4311        |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ nổ mìn)                                                                                                                             | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG MIÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/12/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025191011637

Ngày cấp: 21/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ao Cạn, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ao Cạn, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG MIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025191011637

Ngày cấp: 21/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ao Cạn, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ao Cạn, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang